

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2021
Về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Trung.
2. Bà Phạm Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Ngọc H**, sinh năm 1992. (*có mặt*)

Địa chỉ: Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng H1**, sinh năm 1990. (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 nguyên đơn chị Đặng Ngọc H trình bày:**

Năm 2010, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Hoàng H1 đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn vào ngày 26/5/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H1 không có trách nhiệm với vợ con, hay tụ tập bạn bè ăn nhậu và đánh đập chị, xua đuổi chị. Do đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm rạn

nứt tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V (nữ, sinh ngày 29/3/2011) và Nguyễn Ngọc Nhã Tr (nữ, sinh ngày 30/8/2014). Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2021, bị đơn anh Nguyễn Hoàng H1 trình bày:**

Anh thống nhất ý kiến với chị Đặng Ngọc H về quá trình xây dựng hôn nhân giữa anh và chị H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên vợ chồng không thể hòa hợp với nhau được nữa. Nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V (nữ, sinh ngày 29/3/2011) và Nguyễn Ngọc Nhã Tr (nữ, sinh ngày 30/8/2014). Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Đặng Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H1; yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng và đồng ý giao cháu Tr cho anh H1 nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H1 vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đặng Ngọc H và anh Nguyễn Hoàng H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị H khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 là vợ chồng chung sống với nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn.

Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H1 không có trách nhiệm với gia đình, thường hay nhậu nhẹt say xỉn và kiếm chuyện đánh chị. Chị cũng đã nhiều lần khuyên nhưng anh H1 vẫn không thay đổi, do mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên chị đã không còn chung sống với anh H1 khoảng 04 tháng nay. Trong thời gian ly thân, anh H1 cũng có hứa sửa đổi và muốn chị quay về chung sống nhưng chị không đồng ý. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H1 nên chị yêu cầu được ly hôn.

Anh H1 thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, không có tiếng nói chung, không hòa hợp với nhau được nữa nhưng do anh vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy, chị H có yêu cầu ly hôn, anh H1 không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị H và anh H1 đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện cho chị H và anh H1 hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H1 nhiều lần vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh H1 trình bày vẫn còn tình cảm với chị H nhưng anh H1 đã không tích cực chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không đưa ra biện pháp để hàn gắn, cho đến nay mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không giải quyết được. Về phía chị H thì khẳng định không thể tiếp tục chung sống với anh H1. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H và anh H1 có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V (nữ, sinh ngày 29/3/2011) và Nguyễn Ngọc Nhã Tr (nữ, sinh ngày 30/8/2014). Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 cùng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V và cháu Tr đến trưởng thành. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị H tự nguyện giao cháu Tr cho anh H1 nuôi dưỡng

đến trưởng thành. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hiện chị H và anh H1 còn đang tranh chấp với nhau về việc nuôi dưỡng cháu V nên Hội đồng xét xử cần xem xét, đánh giá toàn diện về mọi mặt nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng cho trẻ.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, tính đến ngày xét xử (26/02/2021), cháu V đã hơn 09 tuổi nên cần phải xem xét đến nguyện vọng của cháu V khi giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2020, cháu V có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là chị H nên việc giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp với điều luật nêu trên. Do đó, yêu cầu của chị H về việc nuôi dưỡng cháu V được chấp nhận.

Mặc dù chị H, anh H1 không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho chị H, anh H1 quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản chị H, anh H1 thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị H và anh H1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H1 cùng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng H1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V (nữ, sinh ngày 29/3/2011) cho chị Đặng Ngọc H nuôi dưỡng đến trưởng thành; Giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã Tr (nữ, sinh ngày 30/8/2014) cho anh Nguyễn Hoàng H1 nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị H và anh H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Chị H, anh H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản chị H, anh H1 thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Ngọc H phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011351 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Châu Văn Liêm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế

